



Everpia JSC

Head office and factory:

Dương Xá, Gia Lâm District, Hanoi City, Vietnam

Tel: (84-4) 327 6490 Fax: (84-4) 327 6492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 28032025-01TB/EVPL

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Ha Noi, 28th March 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty cổ phần Everpia/ *Everpia JSC*
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: EVE
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone*: 024.38276490
- Fax: 024.38276492
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Yu Sung Dae

Chức vụ/ *Position*: Người được ủy quyền Công bố thông tin

Authorized person on Information

Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu
Information disclosure type: ☒ *Periodic* ☐ *Irregular* ☐ *24 hours* ☐ *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ và hợp nhất kiểm toán năm 2024.

Audited separated and audited consolidated financial statements for the year 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/03/2025 tại đường dẫn: <https://everpia.vn/bao-cai-tai-chinh/bao-cai-tai-chinh-ct60.html>

This information was disclosed on Company on 28/03/2025, available at: <https://everpia.vn/bao-cai-tai-chinh/bao-cai-tai-chinh-ct60.html>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người UQ CBTT

Party authorized to disclose information



YU SUNG DAE

Số: 03.2024/TB/BCTC

V/v giải trình thay đổi lợi nhuận sau thuế năm
2024 so với năm trước/Regarding explanation
of profit after tax in 2024 compared to last year

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam

Based on the Separate Financial Statements and Consolidated Financial Statements for 2024 audited by Ernst and Young Vietnam Co., Ltd.

Công ty Cổ phần Everpia xin được giải trình số liệu Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 về nội dung:

Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước

Everpia Joint Stock Company would like to explain the data of the Separate Financial Statements and Consolidated Financial Statements for 2024 regarding the following contents:

Explaining the profit after corporate income tax in the business performance report changing by 10% or more compared to the same period last year

1. Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ/ In Separate Financial Statements

	FY 2024	FY 2023	Chênh lệch/ Diff	Tỷ lệ / Ratio
1. Doanh thu bán hàng/ Gross revenue from goods sold	743,880,737,377	787,684,319,980	(43,803,582,603)	-6%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Deductions	(2,639,048,715)	(830,413,831)	(1,808,634,884)	218%
3. Doanh thu thuần về bán hàng/ Net revenue from goods sold	741,241,688,662	786,853,906,149	(45,612,217,487)	-6%
4. Giá vốn hàng bán /Cost of goods sold	(520,956,189,349)	(550,036,861,184)	29,080,671,835	-5%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng / Gross profit from goods sold	220,285,499,313	236,817,044,965	(16,531,545,652)	-7%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial income	19,409,014,686	42,770,100,352	(23,361,085,666)	-55%
7. Chi phí tài chính / Financial expenses	(14,572,587,821)	(20,137,299,072)	5,564,711,251	-28%
9. Chi phí bán hàng / Selling expenses	(171,103,553,445)	(158,452,976,824)	(12,650,576,621)	8%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp /General and administration expenses	(86,993,944,799)	(84,172,926,450)	(2,821,018,349)	3%
11. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh /Operating profit /(Loss)	(32,975,572,066)	16,823,942,971	(49,799,515,037)	-296%
12. Thu nhập khác/ Other income	1,395,215,209	7,709,837,988	(6,314,622,779)	-82%
13. Chi phí khác /Other expenses	(4,157,247,182)	(957,185,127)	(3,200,062,055)	334%
14. Lợi nhuận khác/ Profit/(Loss) from other activities	(2,762,031,973)	6,752,652,861	(9,514,684,834)	-141%
15. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế Accounting profit/(Loss) before tax	(35,737,604,039)	23,576,595,832	(59,314,199,871)	-252%
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành/ Current corporate income tax expense		(5,654,976,192)	5,654,976,192	-100%
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại/ Deferred tax expense	(197,342,391)	34,649,388	(231,991,779)	-670%
18. Lợi nhuận/Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit/(Loss) after corporate income tax	(35,934,946,430)	17,956,269,028	(53,891,215,458)	-300%

Năm 2024, ngành dệt may Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều biến động trong bối cảnh kinh tế toàn cầu chưa thực sự ổn định. Theo báo cáo của Hiệp hội Dệt may Việt Nam, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may đạt 36,7 tỷ USD, tăng 10,5% so với năm 2023. Sự phục hồi chủ yếu đến từ nhu cầu gia tăng tại các thị trường lớn như Mỹ và EU, khi các doanh nghiệp quốc tế bắt đầu khôi phục chuỗi cung ứng sau giai đoạn suy giảm kéo dài. Tuy nhiên, không phải tất cả mặt hàng trong ngành dệt may đều có sự tăng trưởng đồng đều. Đơn hàng từ các nhãn hàng áo jacket và thời trang ngoài trời – một trong những lĩnh vực quan trọng của ngành – chỉ đạt 5,4 tỷ USD, giảm 6,2% so với năm trước. Xu hướng tiết giảm chi phí, tái cơ cấu chuỗi cung ứng của các thương hiệu thời trang lớn, cùng với cạnh tranh từ các nhà sản xuất tại Trung Quốc, Bangladesh và Ấn Độ đã ảnh hưởng đáng kể đến ngành hàng này. Bên cạnh đó, thị trường nội địa dù có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn chịu tác động từ áp lực lạm phát và tâm lý thận trọng trong chi tiêu của người tiêu dùng. Các thương hiệu trong nước phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ cả doanh nghiệp nội địa lẫn các thương hiệu quốc tế. Everpia cũng không nằm ngoài sự cạnh tranh đó, doanh số năm 2024 giảm mạnh so với năm 2023, giảm 6%

In 2024, Vietnam's textile and garment industry will continue to face many fluctuations in the context of an unstable global economy. According to a report by the Vietnam Textile and Apparel Association, the total export turnover of textiles and garments will reach 36.7 billion USD, up 10.5% compared to 2023. The recovery will mainly come from increased demand in major markets such as the US and EU, as international businesses begin to restore their supply chains after a prolonged period of decline. However, not all items in the textile and garment industry will experience even growth. Orders from jacket and outdoor fashion brands - one of the important sectors of the industry - will only reach 5.4 billion USD, down 6.2% compared to the previous year. The trend of cost reduction and supply chain restructuring by major fashion brands, along with competition from manufacturers in China, Bangladesh and India, has significantly affected this industry. In addition, although the domestic market has shown signs of recovery, it is still affected by inflationary pressures and cautious consumer spending. Domestic brands face increasingly fierce competition from both domestic and international brands. Everpia is no exception to that competition, with sales in 2024 falling sharply compared to 2023, down 6%.

- Ngành hàng Chăn ga gối đệm đạt xấp xỉ 560 tỷ, tăng nhẹ 3% so với năm 2023 nhờ vào sự tăng trưởng và kinh doanh ổn định của ba kênh bán Online, Xuất khẩu và Bán lẻ trong nước. Kênh bán B2B – đơn hàng khách sạn, doanh nghiệp giảm 9% so với cùng kỳ 2023 do nhiều dự án khách sạn tại khu vực phía Nam đang tạm ngừng thi công.

The Bedding industry reached approximately 560 billion, a slight increase of 3% compared to 2023 thanks to the stable growth and business of three sales channels: Online, Export and Domestic Retail. B2B sales channel - hotel and business orders decreased by 9% compared to the same period in 2023 due to many hotel projects in the Southern region temporarily suspending construction.

- Ngành hàng Bông tằm đạt 161 tỷ, giảm 9% so với năm 2023 với các lý do chính: i) đối mặt với cạnh tranh cao với bông giá rẻ nhập khẩu từ Trung Quốc và những quốc gia sản xuất có chi phí sản xuất thấp như Myanmar hoặc Bangladesh; ii) sự thay đổi về chính sách thu thuế của Việt Nam đối với các công ty may mặc nước ngoài có trụ sở tại Việt Nam: các công ty phải chịu thêm chi phí thuê kho bảo thuế và chi phí vận chuyển, vì vậy khách hàng đang chuyển sản xuất sang các nước khác; iii) trong nước có thêm ngày càng nhiều đơn vị gia công giá rẻ. Để bù đắp lại phần doanh số của các khách hàng truyền thống, Everpia đã nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới (số lượng khách hàng mới đạt 128 khách hàng, tăng 52%), tuy nhiên do các khách hàng này chỉ đặt đơn hàng theo số lượng tối thiểu, doanh thu Bông tằm vẫn chưa đạt mức kỳ vọng

The Padding industry reached 161 billion, down 9% compared to 2023 due to the following main reasons: i) facing high competition with cheap padding imported from China and low-cost manufacturing countries such as Myanmar or Bangladesh; ii) changes in Vietnam's tax collection policy for foreign garment companies based in Vietnam: companies have to pay additional costs for bonded warehouse rental and transportation costs, so customers are shifting production to other countries; iii) there are more and more low-cost processing units in the country. To compensate for the sales of traditional customers, Everpia has made efforts to find new customers (the number of new customers reached 128, an increase of 52%), however, because these customers only place orders in minimum quantities, Padding revenue has not yet reached the expected level.

- Ngành hàng Khăn chỉ đóng góp 33 tỷ doanh thu, giảm mạnh 57% so với năm 2023 do Công ty quyết định thu hẹp sản xuất ngành hàng này từ 30/09/2024 để tập trung nguồn lực cho các ngành hàng có tỷ lệ lợi nhuận cao hơn

The Cleaner industry only contributed 33 billion in revenue, a sharp decrease of 57% compared to 2023 because the Company decided to narrow down production of this industry from September 30, 2024 to focus resources on industries with higher profit margins.

Về lợi nhuận, doanh thu giảm, cùng với đó, chi phí tăng đã khiến lợi nhuận sau thuế của Everpia sụt giảm mạnh, cụ thể:

- Tỷ lệ giá vốn hàng bán/ doanh thu ở mức 69% do ảnh hưởng của quyết định thu hẹp ngành hàng Khăn, Everpia đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho ngành hàng này.
- Chi phí bán hàng tăng nhẹ 8%, ở mức 171 tỷ năm 2024 đến từ việc công ty đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ đại lý bán hàng, triển khai rộng khắp các hoạt động marketing cho Bộ sưu tập Xuân hè và các chi phí vận hành showroom.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nhẹ 3%, ở mức 86 tỷ năm 2024 do ảnh hưởng của chi phí khấu hao vận hành nhà máy và văn phòng Giang Điền.

Revenue decreased, along with increased costs, causing Everpia's after-tax profit to decline sharply, specifically:

- *The ratio of cost of goods sold/revenue is at 69% due to the impact of the decision to narrow the Cleaner industry, Everpia has made provisions for inventory price reduction for this industry.*
- *Selling expenses increased slightly by 8%, at 171 billion in 2024 due to the company's promotion of sales agent support activities, widespread implementation of marketing activities for the Spring-Summer Collection and showroom operating costs.*
- *Business management expenses increased slightly by 3%, at 86 billion in 2024 due to the impact of depreciation costs for operating the Giang Dien factory and office.*

Đối với lợi nhuận từ hoạt động tài chính và các lợi nhuận khác, do giá trị tiền gửi giảm và lãi suất tiền gửi cũng giảm nên trong kỳ công ty chỉ thu về 15 tỷ lợi nhuận tài chính

Trong khi đó, Everpia đã trích lập dự phòng lỗ thanh lý tài sản cố định khoảng 3,4 tỷ cho máy móc của ngành hàng Khăn.

Regarding financial and other profits, due to the decrease in deposit value and interest rates, the company only earned 15 billion in financial profits during the period.

Meanwhile, Everpia has set aside a provision for liquidation losses of about 3.4 billion for machinery in the Cleaner industry.

Các nguyên nhân trên đã làm cho lợi nhuận năm 2024 là -35 tỷ đồng, giảm 300% so với năm 2023

The above reasons have caused the profit in 2024 to be -35 billion VND, a decrease of 300% compared to 2023.

Tại báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất/ In Consolidated Financial Statements

	FY 2024	FY 2023	Chênh lệch/ Diff	Tỷ lệ / Ratio
1. Doanh thu bán hàng/ Gross revenue from goods sold	743,880,737,377	787,684,319,980	(43,803,582,603)	-6%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Deductions	(2,639,048,715)	(830,413,831)	(1,808,634,884)	218%
3. Doanh thu thuần về bán hàng/ Net revenue from goods sold	741,241,688,662	786,853,906,149	(45,612,217,487)	-6%
4. Giá vốn hàng bán /Cost of goods sold	(508,146,070,624)	(535,771,595,934)	27,625,525,310	-5%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng / Gross profit from goods sold	233,095,618,038	251,082,310,215	(17,986,692,177)	-7%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial income	27,902,860,012	49,447,504,304	(21,544,644,292)	-44%
7. Chi phí tài chính / Financial expenses	(16,234,798,414)	(22,641,932,270)	6,407,133,856	-28%
9. Chi phí bán hàng / Selling expenses	(176,095,588,564)	(167,439,134,031)	(8,656,454,533)	5%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp /General and administration expenses	(94,936,293,601)	(92,954,672,832)	(1,981,620,769)	2%
11. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh /Operating profit /(Loss)	(26,268,202,529)	17,494,075,386	(43,762,277,915)	-250%
12. Thu nhập khác/ Other income	1,649,801,593	7,709,837,988	(6,060,036,395)	-79%
13. Chi phí khác /Other expenses	(4,157,247,182)	(957,185,127)	(3,200,062,055)	334%
14. Lợi nhuận khác/ Profit/(Loss) from other activities	(2,507,445,589)	6,752,652,861	(9,260,098,450)	-137%
15. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế Accounting profit/(Loss) before tax	(28,775,648,118)	24,246,728,247	(53,022,376,365)	-219%
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành/ Current corporate income tax expense		(5,654,976,192)	5,654,976,192	-100%
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại/ Deferred tax expense	(318,210,119)	50,020,587	(368,230,706)	-736%
18. Lợi nhuận/Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit/(Loss) after corporate income tax	(29,093,858,237)	18,641,772,642	(47,735,630,879)	-256%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát / Net profit of non controlling interest	1,092,206,680	816,377,200	275,829,480	34%
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế của cổ đông công ty mẹ/ Net loss to shareholder of the parent	(30,186,064,917)	17,825,395,442	(48,011,460,359)	-269%
19. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu/ Loss earning per share	(719)	425	(1,144)	-269%
20. Lãi/(Lỗ) pha loãng trên cổ phiếu / Loss diluted earning per share	(719)	425	(1,144)	-269%

- Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ: theo nội dung giải trình phía trên/ *Business performance of the parent company: according to the above explanation*
- Hoạt động của công ty con tại Hàn Quốc đạt lợi nhuận ở mức 0%, cùng với đó lợi nhuận của quỹ mở MAOF đạt 5 tỷ. / *The operation of the subsidiary in Korea achieved a profit of 0%, along with the profit of the fund MAOF reaching 5 billion.*

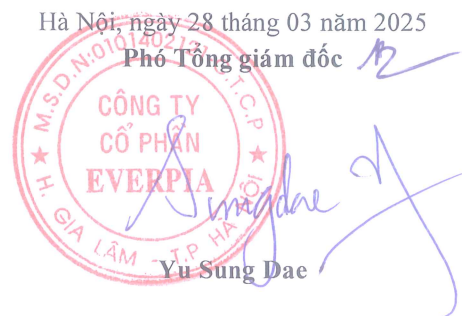
Kết quả hợp nhất của Công ty là lợi nhuận là -30 tỷ, giảm 277% so với năm 2023 / *The consolidated result of the Company is a profit of -30 billion, down 277% compared to 2023*

Trên đây là giải trình của Công ty về một số nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp năm 2024./ *The above is the Company's explanation on some contents related to the separate financial statements and the consolidated financial statements for 2024.*

Trân trọng kính chào!

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Phó Tổng giám đốc



Yu Sung Dae

Công ty Cổ phần Everpia

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Everpia

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Everpia

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 46

Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 21 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (Mã: EVE) kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, phân phối (bán buôn và bán lẻ), và xuất khẩu các sản phẩm liên quan đến chăn, ga và đệm, và các hoạt động khác theo giấy Chứng nhận Đầu tư.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và bảy chi nhánh tại Hưng Yên, thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cho Yong Hwan	Chủ tịch	
Ông Lee Jae Eun	Thành viên	
Ông Yu Sung Dae	Thành viên	
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên độc lập	
Ông Yi Seung Mok	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng ban
Ông Ko Tae Yeon	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hường	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Ông Yu Sung Dae	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lee Jae Eun, Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Everpia

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Ông Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11453398/68482221

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Everpia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia (“Công ty”) và các công ty con, được lập ngày 24 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2023-004-1

Lê Thị Thu
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5606-2025-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		740.856.476.417	770.385.094.402
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	19.500.426.548	40.858.611.052
111	1. Tiền		18.905.252.130	39.012.957.587
112	2. Các khoản tương đương tiền		595.174.418	1.845.653.465
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		299.099.369.509	223.235.937.241
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	299.099.369.509	223.235.937.241
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		154.559.767.472	182.263.347.093
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	155.003.878.405	167.122.003.180
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	8.630.730.843	9.806.656.928
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	20.603.115.713	34.081.683.482
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(29.677.957.489)	(28.746.996.497)
140	IV. Hàng tồn kho	9	253.459.104.730	318.859.392.606
141	1. Hàng tồn kho		307.370.576.767	350.972.238.074
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(53.911.472.037)	(32.112.845.468)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.237.808.158	5.167.806.410
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	3.164.429.740	3.171.222.115
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.073.378.418	1.996.584.295

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		543.331.520.296	585.485.974.868
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.863.666.309	3.114.021.409
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	2.863.666.309	3.114.021.409
220	II. Tài sản cố định		315.335.836.967	352.165.213.136
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	313.979.656.197	351.190.821.438
222	Nguyên giá		768.295.145.114	774.106.278.847
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(454.315.488.917)	(422.915.457.409)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.356.180.770	974.391.698
228	Nguyên giá		42.337.241.798	41.721.106.292
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(40.981.061.028)	(40.746.714.594)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	1.019.733.800
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.019.733.800
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	64.626.454.734	60.556.466.482
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		11.590.390.000	11.590.390.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.966.200.000	10.356.200.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(12.550.390.000)	(12.985.341.499)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		55.620.254.734	51.595.217.981
260	V. Tài sản dài hạn khác		160.505.562.286	168.630.540.041
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	138.196.114.161	146.002.881.797
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	26.3	22.309.448.125	22.627.658.244
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.284.187.996.713	1.355.871.069.270

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		335.689.501.995	355.899.753.750
310	I. Nợ ngắn hạn		232.635.718.734	233.682.771.214
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	42.703.524.145	41.219.860.824
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	16.898.909.483	19.186.940.891
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.813.430.211	7.329.424.459
314	4. Phải trả người lao động		21.735.914.151	25.802.587.704
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.921.422.779	978.892.917
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.997.167.120	1.563.083.690
320	7. Vay ngắn hạn	17	144.565.350.845	137.601.980.729
330	II. Nợ dài hạn		103.053.783.261	122.216.982.536
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	22.236.301.034	19.899.500.309
338	2. Vay dài hạn	17	80.817.482.227	102.317.482.227
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		948.498.494.718	999.971.315.520
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	948.498.494.718	999.971.315.520
411	1. Vốn cổ phần		419.797.730.000	419.797.730.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419.797.730.000	419.797.730.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	18.2	184.195.877.847	184.195.877.847
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(3.728.916.371)	(3.689.666.922)
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.593.921.095	5.057.441.212
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.1	331.476.711.882	383.538.969.799
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		361.662.776.799	365.713.574.357
421b	- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(30.186.064.917)	17.825.395.442
429	6. Lợi ích cổ động không kiểm soát		12.163.170.265	11.070.963.584
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.284.187.996.713	1.355.871.069.270



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	743.880.737.377	787.684.319.980
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(2.639.048.715)	(830.413.831)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	741.241.688.662	786.853.906.149
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(508.146.070.624)	(535.771.595.934)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		233.095.618.038	251.082.310.215
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	27.902.860.012	49.447.504.304
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	22	(16.234.798.414) (11.220.864.986)	(22.641.932.270) (14.493.574.387)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(176.095.588.564)	(167.439.134.031)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(94.936.293.601)	(92.954.672.832)
30	10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(26.268.202.529)	17.494.075.386
31	11. Thu nhập khác	24	1.649.801.593	7.709.837.988
32	12. Chi phí khác		(4.157.247.182)	(957.185.127)
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(2.507.445.589)	6.752.652.861
50	14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		(28.775.648.118)	24.246.728.247
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	(5.654.976.192)
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	(318.210.119)	50.020.587

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
60	17. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN		(29.093.858.237)	18.641.772.642
61	18. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		(30.186.064.917)	17.825.395.442
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.092.206.680	816.377.200
70	20. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	(719)	425
71	21. (Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	(719)	425



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
02	(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế		(28.775.648.118)	24.246.728.247
03	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		38.071.627.052	31.561.833.164
04	Các khoản dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng)		28.126.914.068	(12.871.795.614)
05	Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.382.589.844)	(2.245.902.542)
06	Lãi từ hoạt động đầu tư		(23.028.528.693)	(38.519.437.458)
06	Chi phí lãi vay	22	11.220.864.986	14.493.574.387
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.232.639.451	16.665.000.184
09	Giảm các khoản phải thu		15.231.183.534	35.765.060.712
10	Giảm hàng tồn kho		37.769.383.301	42.207.945.772
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		317.009.903	(17.220.755.262)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		7.813.560.011	(8.563.514.471)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	108.759.627.374
14	Tiền lãi vay đã trả		(11.292.688.653)	(14.615.663.328)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.784.864.819)	(14.055.880.895)
17	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(1.395.617.449)	(693.847.464)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		68.890.605.279	148.247.972.622
21	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(2.618.840.264)	(141.327.210.278)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.430.544.445	9.306.557.357
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(359.332.369.509)	(500.732.881.250)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		279.313.937.241	531.707.808.178
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.889.899.125	30.094.615.304
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(56.316.828.962)	(70.951.110.689)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		296.880.493.381	506.335.490.719
34	Tiền trả nợ gốc vay		(310.672.123.265)	(552.985.647.857)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(20.984.923.228)	(46.131.788.152)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(34.776.553.112)	(92.781.945.290)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(22.202.776.795)	(15.485.083.357)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		40.858.611.052	54.780.353.092
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		844.592.291	1.563.341.317
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	19.500.426.548	40.858.611.052



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính




Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 21 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (Mã: EVE) kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, phân phối (bán buôn và bán lẻ), và xuất khẩu các sản phẩm liên quan đến chăn, ga và đệm, và các hoạt động khác theo giấy Chứng nhận Đầu tư.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và 7 chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.006 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.205 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 2 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2 công ty con), trong đó:

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Everpia Korea	100%	100%	Số A408-Hyeondae Knowledge Industry Centre, số 3 Godeung Ro, Sujeong Gu, Seongnam Si, Gyeonggi Do, thành phố Seoul, Hàn Quốc.	Kinh doanh các nguyên vật liệu để sản xuất chăn ga, gối và nệm.
2	Quý Đầu tư Cơ hội Mirae Asset Việt Nam (“MAOF”)	80%	80%	Tại tầng 38, tòa Keangnam Landmark Hanoi, Khu E6, KĐT mới Cầu Giấy, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.	Đầu tư chứng khoán và quản lý đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 12.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Giá gốc thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 20 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	6 - 16 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định vô hình khác	4 - 10 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Khoản tiền thuê đất trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại các công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là các công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty và các công ty con sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty và các công ty con trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Công ty và MAOF

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty và MAOF. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

Công ty Cổ phần Everpia Korea

Trợ cấp thôi việc phải trả cho toàn bộ người lao động đang làm việc tại công ty được tính theo tỷ lệ một tháng lương cho mỗi năm làm việc tại công ty đến ngày kết thúc kỳ kế toán theo quy định của pháp luật nước sở tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất, được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- ▶ Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty và các công ty con mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty và các công ty con không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận chịu thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến chăn, ga và đệm. Doanh thu và tài sản liên quan đến sản phẩm chăn, ga và đệm chiếm hơn 90% tổng doanh thu trong năm và tổng tài sản tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty và các công ty con. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Công ty và các công ty con.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty, các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	145.032.099	152.408.091
Tiền gửi ngân hàng	18.760.220.031	38.860.549.496
Các khoản tương đương tiền	595.174.418	1.845.653.465
TỔNG CỘNG	19.500.426.548	40.858.611.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng (i)	294.944.369.509	294.944.369.509	210.235.937.241	210.235.937.241
Các khoản đầu tư khác (ii)	4.155.000.000	4.155.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	299.099.369.509	299.099.369.509	223.235.937.241	223.235.937.241

(i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại từ 1 tháng đến 10 tháng, hưởng lãi suất từ 2,8%/năm đến 6,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5,2%/năm đến 10,5%/năm).

(ii) Trái phiếu không có tài sản đảm bảo, kì hạn 2 năm, đáo hạn ngày 31 tháng 8 năm 2025 và có lãi suất 8,675% (31 tháng 12 năm 2023: 14,5%). Tiền lãi được trả định kỳ nửa năm một lần.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Welcron Global Việt Nam	4.025.444.362	4.098.926.010
Công ty TNHH Essenlue	2.760.867.506	4.085.420.563
Công ty Cổ phần Du Lịch Oải Hương	2.105.302.104	3.805.302.104
Công ty TNHH MM Mega Market Việt Nam	1.752.062.877	3.359.880.825
Các khoản phải thu khách hàng khác	144.360.201.556	151.772.473.678
TỔNG CỘNG	155.003.878.405	167.122.003.180
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(18.224.964.872)	(17.294.003.880)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Nuri Flex Việt Nam	4.017.600.000	-
Công ty TNHH Guoxin Infu	-	2.367.423.883
Công Ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Nội Thất Hà Trang	-	1.390.583.712
Trả trước cho các đối tượng khác	4.613.130.843	6.048.649.333
TỔNG CỘNG	8.630.730.843	9.806.656.928

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

			Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn				
Tài sản thiếu chờ xử lý			11.452.992.617	11.452.992.617
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn			-	10.672.683.336
Lãi tiền gửi			6.557.287.803	9.500.694.874
Tạm ứng cho nhân viên			1.361.543.211	2.017.353.944
Phải thu ngắn hạn khác			1.231.292.082	437.958.711
TỔNG CỘNG			20.603.115.713	34.081.683.482
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi			(11.452.992.617)	(11.452.992.617)
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược dài hạn			2.863.666.309	3.114.021.409
TỔNG CỘNG			2.863.666.309	3.114.021.409

8. NỢ XẤU

					Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm		Số đầu năm		
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Các khoản phải thu khách hàng		22.632.753.448	4.407.788.576	26.477.342.223	9.183.338.343	
Tài sản thiếu chờ xử lý		11.452.992.617	-	11.452.992.617	-	
TỔNG CỘNG		34.085.746.065	4.407.788.576	37.930.334.840	9.183.338.343	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	10.906.297.305	-	5.666.521.174	-
Nguyên liệu, vật liệu	147.311.084.270	(41.088.375.439)	167.162.003.830	(19.011.394.539)
Thành phẩm	146.625.391.892	(12.823.096.598)	174.852.749.155	(13.101.450.929)
Hàng hóa	2.527.803.300	-	3.290.963.915	-
TỔNG CỘNG	307.370.576.767	(53.911.472.037)	350.972.238.074	(32.112.845.468)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	32.112.845.468	29.027.131.064
Cộng: Trích lập dự phòng trong năm	27.630.904.575	8.145.326.452
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(5.832.278.006)	(5.059.612.048)
Số cuối năm	<u>53.911.472.037</u>	<u>32.112.845.468</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	370.179.987.801	322.264.009.773	44.805.271.238	16.736.058.676	20.120.951.359	774.106.278.847
- Mua trong năm	-	1.661.970.808	-	235.590.000	53.836.456	1.951.397.264
- Thanh lý, nhượng bán	-	(869.585.715)	(2.996.295.279)	(2.793.164.580)	-	(6.659.045.574)
- Chênh lệch tỉ giá phát sinh từ chuyển đổi báo cáo công ty con	(1.058.263.505)	-	-	(29.078.400)	(16.143.518)	(1.103.485.423)
Số cuối năm	369.121.724.296	323.056.394.866	41.808.975.959	14.149.405.696	20.158.644.297	768.295.145.114
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	26.678.392.925	209.717.397.431	11.618.179.072	11.576.436.811	14.511.938.827	274.102.345.066
Gia trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	89.978.661.619	273.238.413.848	26.312.336.475	15.111.067.411	18.274.978.056	422.915.457.409
- Khấu hao trong năm	16.302.957.636	16.400.195.293	3.358.441.388	1.086.723.367	688.962.934	37.837.280.618
- Thanh lý, nhượng bán	-	(662.189.285)	(2.855.183.903)	(2.793.164.580)	-	(6.310.537.768)
- Chênh lệch tỉ giá phát sinh từ chuyển đổi báo cáo công ty con	(86.494.136)	-	-	(26.075.172)	(14.142.034)	(126.711.342)
Số cuối năm	106.195.125.119	288.976.419.856	26.815.593.960	13.378.551.026	18.949.798.956	454.315.488.917
Gia trị còn lại:						
Số đầu năm	280.201.326.182	49.025.595.925	18.492.934.763	1.624.991.265	1.845.973.303	351.190.821.438
Số cuối năm	262.926.599.177	34.079.975.010	14.993.381.999	770.854.670	1.208.845.341	313.979.656.197

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp cho các khoản vay của Công ty và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	24.566.385.000	7.831.500.000	7.928.284.189	1.394.937.103	41.721.106.292
- Mua trong năm	-	-	667.443.000	-	667.443.000
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ chuyển đổi báo cáo công ty con	-	-	-	(51.307.494)	(51.307.494)
Số cuối năm	24.566.385.000	7.831.500.000	8.595.727.189	1.343.629.609	42.337.241.798
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	24.566.385.000	7.831.500.000	6.866.430.149	686.893.687	39.951.208.836
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	24.566.385.000	7.831.500.000	7.661.935.907	686.893.687	40.746.714.594
- Hao mòn trong năm	-	-	234.346.434	-	234.346.434
Số cuối năm	24.566.385.000	7.831.500.000	7.896.282.341	686.893.687	40.981.061.028
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	-	-	266.348.282	708.043.416	974.391.698
Số cuối năm	-	-	699.444.848	656.735.922	1.356.180.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết (*)				
(Thuyết minh số 12.1)	11.590.390.000	(11.590.390.000)	11.590.390.000	(11.590.390.000)
Đầu tư vào các đơn vị khác (*)				
(Thuyết minh số 12.2)	9.966.200.000	(960.000.000)	10.356.200.000	(552.091.513)
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn				
(Thuyết minh số 12.3)	55.620.254.734	-	51.595.217.981	(842.859.986)
TỔNG CỘNG	77.176.844.734	(12.550.390.000)	73.541.807.981	(12.985.341.499)

(*) Cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, công ty có 1 công ty liên kết như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
Công ty Cổ phần Texpia	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, thành phố Biên hòa, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất vải cotton, sợi và hàng dệt kim	44 %	44 %

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Texpia trong quá trình giải thể.

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này trong kỳ hiện tại như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Texpia

Giá trị đầu tư:

Số đầu năm	11.590.390.000
Số cuối năm	11.590.390.000

Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:

Số đầu năm	(11.590.390.000)
Số cuối năm	(11.590.390.000)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	-
Số cuối năm	-

12.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh	4.014.200.000	4.014.200.000
Công ty Cổ phần Hyojung Soft Tech	960.000.000	960.000.000
Công ty Kalon Investment Asset	4.992.000.000	5.382.000.000
TỔNG CỘNG	9.966.200.000	10.356.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	
Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (i)	29.120.254.734	29.120.254.734	(*)	29.120.254.734	29.120.254.734	(*)	
Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (ii)	16.500.000.000	16.500.000.000	16.524.806.100	-	-	-	
Trái phiếu Công ty Cổ phần Kinh doanh F88 (iii)	10.000.000.000	10.000.000.000	(*)	-	-	-	
Trái phiếu Tập đoàn Vingroup	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	
Trái phiếu Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt	-	-	-	10.010.034.247	9.208.329.000	(*)	
Trái phiếu Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt	-	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	9.208.329.000	
Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	-	-	3.464.929.000	3.423.774.261	3.423.774.261	
TOTAL	55.620.254.734	55.620.254.734	16.524.806.100	51.595.217.981	50.752.357.995	17.632.103.261	

(*) Trái phiếu này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa thể trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

(i) Trái phiếu chưa niêm yết có kỳ hạn 5 năm, đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2027 và có lãi suất 10,7%/năm. Tiền lãi được trả định kỳ nửa năm một lần. Trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu thường niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh của Tập đoàn PC1.

(ii) Trái phiếu niêm yết có tài sản đảm bảo, kỳ hạn 7 năm, đáo hạn ngày 28 tháng 2 năm 2029 và có lãi suất 9,6%/năm cho kì hạn thứ nhất. Tiền lãi được trả hàng năm.

(iii) Trái phiếu không niêm yết với kì hạn 7 năm, đáo hạn ngày 15 tháng 9 năm 2030 và có lãi suất 9,1%. Tiền lãi được trả hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tiền thuê mặt bằng	2.033.018.235	1.329.222.027
Khác	1.131.411.505	1.842.000.088
TỔNG CỘNG	3.164.429.740	3.171.222.115
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước (*)	112.647.990.776	116.148.113.508
Tiền thuê mặt bằng	8.568.104.906	8.211.669.244
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất dùng	7.016.501.686	7.470.557.862
Chi phí nội thất showroom	4.442.292.839	3.938.749.652
Chi phí cải tạo văn phòng	4.168.848.865	7.537.998.071
Khác	1.352.375.089	2.695.793.460
TỔNG CỘNG	138.196.114.161	146.002.881.797

(*) Phần lớn là tiền thuê đất trả trước cho nhà máy tại Khu công nghiệp Giang Điền, tỉnh Đồng Nai và được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tongxiang Huibo	5.323.928.750	5.323.928.750	2.983.616.136	2.983.616.136
Công ty TNHH Osun	2.605.830.928	2.605.830.928	2.675.327.372	2.675.327.372
Phải trả đối tượng khác	34.773.764.467	34.773.764.467	35.560.917.316	35.560.917.316
TỔNG CỘNG	42.703.524.145	42.703.524.145	41.219.860.824	41.219.860.824

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Công nghệ Tổng hợp	3.402.892.800	-
Công ty TNHH KTD Vina	-	1.100.003.000
Công ty Cổ Phần Khoáng nóng Thanh Thủy	-	2.484.512.816
Các đối tượng khác	13.496.016.683	15.602.425.075
TỔNG CỘNG	16.898.909.483	19.186.940.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	2.081.565.965	9.641.143.038	(10.172.330.584)	1.550.378.419
Thuế nhập khẩu	-	2.779.225.029	(2.779.225.029)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.784.864.819	-	(3.784.864.819)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.364.654.612	9.783.206.884	(10.053.148.897)	1.094.712.599
Các loại thuế khác	98.339.063	1.127.903.947	(1.057.903.817)	168.339.193
TỔNG CỘNG	7.329.424.459	23.331.478.898	(27.847.473.146)	2.813.430.211

16. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	147.715.939	219.539.606
Kinh phí công đoàn	201.311.392	178.522.088
Phải trả ngắn hạn khác	1.648.139.789	1.165.021.996
TỔNG CỘNG	1.997.167.120	1.563.083.690
Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	20.626.298.034	19.389.500.309
Phải trả dài hạn khác	1.610.003.000	510.000.000
TỔNG CỘNG	22.236.301.034	19.899.500.309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1) Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	127.821.980.729	127.821.980.729	296.880.493.381	(289.172.123.265)	-	135.530.350.845	135.530.350.845	
	9.780.000.000	9.780.000.000	-	-	(745.000.000)	9.035.000.000	9.035.000.000	
	137.601.980.729	137.601.980.729	296.880.493.381	(289.172.123.265)		144.565.350.845	144.565.350.845	
Dài hạn Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	102.317.482.227	102.317.482.227	-	(21.500.000.000)	-	80.817.482.227	80.817.482.227	
	102.317.482.227	102.317.482.227	-	(21.500.000.000)	-	80.817.482.227	80.817.482.227	
	239.919.462.956	239.919.462.956	296.880.493.381	(310.672.123.265)	(745.000.000)	225.382.833.072	225.382.833.072	
TỔNG CỘNG								

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17.	VAY (tiếp theo)				
17.1	Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn				
	Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	111.543.643.560	179 ngày, đáo hạn lần cuối vào tháng 6 năm 2025. Lãi vay phải trả hàng tháng.	3,7% - 4,6%	Tài sản cố định, máy móc thiết bị của nhà máy Hưng Yên và các khoản phải thu.
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	15.892.947.335	6 tháng, đáo hạn lần cuối vào tháng 6 năm 2025. Lãi vay phải trả hàng tháng.	4%	Tin chấp
	Ngân hàng Woori Việt Nam	8.093.759.950	6 tháng, đáo hạn lần cuối vào tháng 2 năm 2025. Lãi vay phải trả hàng tháng.	4,175%	Tin chấp
	TỔNG CỘNG	135.530.350.845			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm
	VND tương đương	Nguyên tệ			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	80.817.482.227	VND 80.817.482.227	7 năm, gốc vay đáo hạn lần cuối vào tháng 11 năm 2029. Lãi vay phải trả hàng tháng.	6,6%	Quyền sử dụng đất và tài sản cố định hình thành từ khoản vay tại nhà máy Giang Điền, Đồng Nai của Công ty.
Ngân hàng KEB Hana (*)	9.035.000.000	KRW 500.000.000	Gốc vay đáo hạn vào tháng 3 năm 2025. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	3,64%	Văn phòng của Công ty Everpia Korea tại số A408-Hyeondae knowledge Industry Centre, số 3 Godeung Ro, Sujeong Gu, Seongnam Si, Gyeonggi Do, thành phố Seoul, Hàn Quốc.

TỔNG CỘNG

89.852.482.227

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

9.035.000.000

Vay dài hạn

80.817.482.227

(*) Vào ngày 3 tháng 3 năm 2025, ngày đáo hạn của khoản vay đã được gia hạn đến ngày 3 tháng 3 năm 2026.

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

							Đơn vị tính: VND	
		Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu năm		419.797.730.000	184.195.877.847	(4.000.628.280)	1.169.532.841	416.424.104.094	10.254.586.384	1.027.841.202.886
- Lợi nhuận trong năm		-	-	-	-	17.825.395.442	816.377.200	18.641.772.642
- Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối		-	-	-	4.578.741.723	(4.578.741.723)	-	-
- Cổ tức đã công bố		-	-	-	-	(46.131.788.014)	-	(46.131.788.014)
- Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con		-	-	310.961.358	3.014.112	-	-	313.975.470
- Giảm khác		-	-	-	(693.847.464)	-	-	(693.847.464)
Số cuối năm		419.797.730.000	184.195.877.847	(3.689.666.922)	5.057.441.212	383.538.969.799	11.070.963.584	999.971.315.520
Năm nay								
Số đầu năm		419.797.730.000	184.195.877.847	(3.689.666.922)	5.057.441.212	383.538.969.799	11.070.963.584	999.971.315.520
- Lỗ trong năm		-	-	-	-	(30.186.064.917)	1.092.206.681	(29.093.858.236)
- Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối (*)		-	-	-	891.269.772	(891.269.772)	-	-
- Cổ tức đã công bố (*)		-	-	-	-	(20.984.923.228)	-	(20.984.923.228)
- Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con		-	-	(39.249.449)	40.827.560	-	-	1.578.111
- Giảm khác		-	-	-	(1.395.617.449)	-	-	(1.395.617.449)
Số cuối năm		419.797.730.000	184.195.877.847	(3.728.916.371)	4.593.921.095	331.476.711.882	12.163.170.265	948.498.494.718

(*) Theo Nghị quyết số 03/ĐHĐCĐ2024/NQ ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Công ty đã được phê chuẩn (i) chia cổ tức bằng tiền bằng 5% mệnh giá (500 VND/ cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 và lợi nhuận chưa phân phối và (ii) trích 5% lợi nhuận sau thuế năm 2023 vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn cổ phần	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	184.195.877.847	184.195.877.847	184.195.877.847	184.195.877.847
TỔNG CỘNG	603.993.607.847	603.993.607.847	603.993.607.847	603.993.607.847

18.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	20.984.923.228	46.131.788.014
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức trả bằng tiền trong năm 2024: 500 VND/cổ phiếu (năm 2023: 1.100 VND/cổ phiếu)	20.984.923.228	46.131.788.014
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	-

18.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.979.773	41.979.773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu phổ thông	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu phổ thông	41.979.773	41.979.773

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong năm là 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ (USD)	278.432	272.069
- Euro (EUR)	16.449	184.740
- Won Hàn Quốc (KRW)	11.813.450	20.352.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	743.880.737.377	787.684.319.980
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	743.880.737.377	787.684.319.980
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(2.639.048.715)	(830.413.831)
Doanh thu thuần	741.241.688.662	786.853.906.149

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, trái phiếu	21.491.110.054	30.896.876.339
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.956.367.958	7.686.951.457
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh	-	10.307.916.508
Cổ tức, lợi nhuận được chia	455.382.000	555.760.000
TỔNG CỘNG	27.902.860.012	49.447.504.304

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	508.146.070.624	535.771.595.934
TỔNG CỘNG	508.146.070.624	535.771.595.934

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	11.220.864.986	14.493.574.387
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.581.024.941	7.670.054.961
Lỗ từ hoạt động đầu tư	-	453.291.079
Chi phí tài chính khác	432.908.487	25.011.843
TỔNG CỘNG	16.234.798.414	22.641.932.270

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	74.769.961.130	79.211.369.816
Chi phí nguyên vật liệu	2.532.487.045	2.918.467.966
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.280.587.511	1.056.217.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.505.238.556	60.715.407.183
Chi phí khác	29.007.314.322	23.537.671.102
TỔNG CỘNG	176.095.588.564	167.439.134.031
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	52.308.187.491	59.664.655.151
Chi phí dự phòng	2.141.617.240	3.658.899.208
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10.099.092.471	6.383.732.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.683.539.088	16.656.654.750
Chi phí khác	8.703.857.311	6.590.730.731
TỔNG CỘNG	94.936.293.601	92.954.672.832

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	1.082.036.639	7.066.801.119
Các khoản thu nhập khác	567.764.954	643.036.869
Chi phí khác		
Điều chỉnh giảm giá trị tài sản không sử dụng	3.375.981.102	-
Các khoản chi phí khác	781.266.080	957.185.127
(LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	(2.507.445.589)	6.752.652.861

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	369.607.413.453	405.745.037.451
Chi phí nhân công	199.789.241.497	231.308.624.762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.346.835.167	87.439.470.693
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	38.071.627.052	31.561.833.164
Chi phí khác	40.135.478.357	31.220.559.209
TỔNG CỘNG	750.950.595.526	787.275.525.279

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần Everpia Korea có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của nước sở tại bằng 9,9% lợi nhuận thu được.

Công ty MAOF ko thuộc đối tượng chịu thuế TNDN. Nhà đầu tư bị khấu trừ 20% khi nhận cổ tức.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	5.654.976.192
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	318.210.119	(50.020.587)
TỔNG CỘNG	318.210.119	5.604.955.605

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng (lỗ)/lợi nhuận thuần trước thuế	(28.775.648.118)	24.246.728.247
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	(5.755.129.624)	4.849.345.649
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN	4.293.281.241	1.016.159.635
Chênh lệch thuế suất của các công ty con	(1.092.206.680)	(502.683.873)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(61.920.000)	(111.152.000)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận liên quan đến lỗ tính thuế	3.113.501.959	307.481.580
Các khoản điều chỉnh khác	(179.316.777)	45.804.614
Chi phí thuế TNDN	318.210.119	5.604.955.605

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.121.498.799	12.205.275.684	(2.083.776.885)	253.410.693
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.321.305.289	6.422.569.094	898.736.195	617.142.880
Trợ cấp thời việc phải trả	2.816.880.165	2.786.415.974	30.464.191	(164.668.747)
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.166.583.562	1.287.451.290	(120.867.728)	15.371.198
Các chi phí khác	1.071.788.319	325.819.111	745.969.208	(481.826.276)
	22.498.056.134	23.027.531.153	(529.475.019)	239.429.748
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	(188.608.009)	(399.872.909)	211.264.900	(189.409.161)
	(188.608.009)	(399.872.909)	211.264.900	(189.409.161)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	22.309.448.125	22.627.658.244		
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(318.210.119)	50.020.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.4 Lỗ tính thuế được chuyển sang các kỳ sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2024	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2024
2024	2029	14.271.197.835	-	-	14.271.197.835
TỔNG CỘNG		14.271.197.835	-	-	14.271.197.835

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND) do không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu			
Doanh thu thuần bán hàng bộ phận	580.426.806.986	160.814.881.676	741.241.688.662
Giá vốn hàng bán bộ phận	(355.542.565.252)	(130.804.878.803)	(486.347.444.055)
Kết quả			
Lợi nhuận gộp bộ phận	224.884.241.734	30.010.002.873	254.894.244.607
Chi phí không phân bổ			(283.669.892.725)
Lỗ thuần trước thuế			(28.775.648.118)
Chi phí thuế TNDN			(318.210.119)
Lợi nhuận thuần sau thuế			(29.093.858.237)
Các thông tin bộ phận khác			
Tài sản bộ phận	101.798.544.520	23.527.376.396	125.325.920.916
Tài sản không phân bổ			1.158.862.075.797
Tổng tài sản			1.284.187.996.713
Nợ phải trả không phân bổ			335.689.501.995
Tổng nợ phải trả			335.689.501.995
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu			
Doanh thu thuần bán hàng bộ phận	569.099.050.810	217.754.855.339	786.853.906.149
Giá vốn hàng bán bộ phận	(361.880.406.465)	(170.805.475.065)	(532.685.881.530)
Kết quả			
Lợi nhuận gộp bộ phận	207.218.644.345	46.949.380.274	254.168.024.619
Chi phí không phân bổ			(229.921.296.372)
Lợi nhuận thuần trước thuế			24.246.728.247
Chi phí thuế TNDN			(5.604.955.605)
Lợi nhuận thuần sau thuế			18.641.772.642
Các thông tin bộ phận khác			
Tài sản bộ phận	113.251.537.137	23.527.376.396	136.778.913.533
Tài sản không phân bổ			1.147.409.083.180
Tổng tài sản			1.355.871.069.270
Nợ phải trả không phân bổ			355.899.753.750
Tổng nợ phải trả			355.899.753.750

Thu nhập và chi phí không phân bổ bao gồm trích lập và hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho, doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác

Toàn bộ công nợ và tài sản của Công ty ngoài các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng được dùng chung cho các bộ phận theo khu vực địa lý nên không thể phân bổ theo bộ phận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thông tin về các bên liên quan là thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát và Ban điều hành được trình bày tại phần Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty:

Đơn vị tính: VND			
Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Cho Yong Hwan	Chủ tịch HĐQT	2.748.289.114	2.643.781.770
	Phó Tổng Giám đốc		
	Chi nhánh Thành phố		
	Hồ Chí Minh		
Ông Lee Jae Eun	Thành viên HĐQT	5.809.203.999	5.544.416.003
	Tổng Giám đốc		
Ông Yu Sung Dae	Thành viên HĐQT	2.778.464.304	2.651.815.208
	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên HĐQT độc lập	86.400.000	86.400.000
Ông Yi Seung Mok	Thành viên HĐQT độc lập	57.600.000	-
	(từ ngày 24 tháng 4 năm 2024)		
Ban kiểm soát			
Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng ban	86.400.000	86.400.000
Ông Ko Tae Yeon	Thành viên	86.400.000	86.400.000
Ông Nguyễn Đắc Hường	Thành viên	86.400.000	86.400.000
TỔNG CỘNG		11.739.157.417	11.185.612.981

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(30.186.064.917)	17.825.395.442
(Lỗ)/lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	(30.186.064.917)	17.825.395.442
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	41.979.773	41.979.773
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	41.979.773	41.979.773
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	(719)	425
(Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu	(719)	425

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

30. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê phòng trưng bày sản phẩm được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	14.608.568.526	11.487.183.432
Từ 1 đến 5 năm	27.336.552.096	15.583.038.145
Trên 5 năm	4.894.769.379	6.397.028.760
TỔNG CỘNG	46.839.890.001	33.467.250.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

			
Nguyễn Thị Bảo Ngọc Người lập biểu	Nguyễn Thị Bảo Ngọc Kế toán trưởng	Yu Sung Dae Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Tài chính	Lee Jae Eun Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn